

**Mục 1 - NHẬN DẠNG NGUYÊN LIỆU VÀ NHÀ CUNG CẤP**

Văn Phòng Đại Diện Ensystem Company Limited  
Tại Thành Phố Hồ Chí Minh  
Tầng 4, Số 385A, Đường Cộng Hòa, Phường Tân Bình  
Thành Phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: 028 22539507

<b>Tính chất hóa học:</b>	<b>Permethrin là một dẫn xuất Pyrethroid</b>
<b>Tên thương mại:</b>	<b>PERMETHOR® SHIELD Liquid Insecticide</b>
<b>Mã sản phẩm:</b>	VNDP-HC-078-02-21
<b>Công dụng:</b>	Chế phẩm diệt côn trùng theo mô tả trên nhãn sản phẩm đã đăng ký.
<b>Ngày tạo:</b>	<b>07/2018</b>
<b>Phiên bản này được phát hành vào:</b>	<b>05/2026</b> và có hiệu lực trong vòng 5 năm tính từ tháng này.

**Mục 2 - NHẬN DẠNG CÁC MỐI NGUY****Báo cáo về tính chất nguy hiểm****Phân loại theo SUSMP: S6**

**Phân loại theo ADG:** Không phải là hàng nguy hiểm theo Bộ luật ADG khi vận chuyển tại Úc bằng đường bộ hoặc đường sắt trong các gói 500 kg(L) hoặc ít hơn; hoặc trong các thùng chứa trung gian IBCs (tham khảo SP AU01).

**Phân loại IATA/IMDG:** Khi khối lượng/ thể tích tịnh trong mỗi bao bì đơn hoặc bên trong bao bì là 5 L hoặc ít hơn đối với chất lỏng, hoặc 5 kg hoặc ít hơn đối với chất rắn, hàng hóa có thể được vận chuyển như hàng hóa không nguy hiểm theo quy định đặc biệt A197 của IATA và mục 2.10.2.7 của Bộ luật IMDG. Sản phẩm này luôn được đóng gói ở mức 5 L hoặc ít hơn. Xem chi tiết trong Mục 14 của SDS này.

**Số UN:** 3082

**Phân Loại GHS:**

- Độc tính cấp tính - Đường uống: Loại 4
- Độc tính cấp tính - Đường hô hấp: Loại 4
- Mẫn cảm da: Loại 1
- Nguy cơ hít sặc: Loại 1
- Nguy hại đối với môi trường thủy sinh, nguy hại dài hạn: Loại 1

**Từ cảnh báo GHS: NGUY HIỂM****THÔNG BÁO NGUY HIỂM:**

- H302: Có hại nếu nuốt vào.
- H304: Có thể gây tử vong nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp.
- H317: Có thể gây phản ứng dị ứng da.
- H332: Có hại nếu hít vào.
- H410: Rất độc đối với thủy sinh vật với những ảnh hưởng lâu dài.

**PHÒNG NGỪA**

- P261: Tránh hít sương và hơi phun ra.
- P264: Lau dọn kỹ những khu vực đã tiếp xúc sau khi xử lý.
- P270: Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P271: Chỉ sử dụng khu vực bên ngoài hoặc trong khu vực thông thoáng
- P272: Quần áo lao động bị nhiễm bẩn không nên để ra khỏi nơi làm việc
- P273: Tránh xả thải ra môi trường.
- P280: Đeo găng tay bảo hộ.

® Nhãn hiệu của Ensystem, Inc., được sử dụng theo giấy phép của Văn phòng đại diện Ensystem Company Limited tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN**

Phát hành: VPĐD Ensystem Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 22539507

## ỨNG PHÓ

P312: Gọi cho bác sĩ nếu bạn cảm thấy không khỏe.

P301+P310: NẾU NUỐT VÀO: Gọi cho bác sĩ ngay lập tức.

P330: Xúc miệng.

P331: KHÔNG gây nôn.

P302+P352: NẾU DÍNH VÀO DA: rửa với nhiều nước.

P304+P340: NẾU HÍT VÀO: đưa người hít phải chế phẩm đến vị trí có không khí trong lành và giữ cho nạn nhân thoải mái khi thở.

P333+P313: Nếu da bị kích ứng hoặc phát ban: tiếp nhận tư vấn/chăm sóc y tế.

P362+P364: Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi sử dụng lại.

P391: Thu gom chất đổ.

## LƯU TRỮ

P405: Cất kỹ.

## THẢI BỎ

P501: Nếu chúng không được tái chế, thải bỏ lượng chế phẩm bên trong tại một nhà máy xử lý chất thải đã được cấp phép và chôn lấp vỏ chai (xem Phần 13 của bảng dữ liệu an toàn này).

## Tổng quan về Tình trạng khẩn cấp

**Mô tả vật lý & màu sắc:** Dạng lỏng màu hổ phách trong suốt

**Mùi:** mùi thơm.

**Các mối nguy đến sức khỏe:** Permethrin có hại đến không có hại qua đường uống, với một báo cáo về liều gây chết LD<sub>50</sub> của thuốc kỹ thuật permethrin ở chuột cống là trên 5000 mg/kg. Qua đường tiếp xúc da, nó không có hại, với một báo cáo về liều gây chết LD<sub>50</sub> khi tiếp xúc với da ở chuột cống là trên 5000 mg/kg và ở thỏ là trên 2000 mg/kg.

## Khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe

### Hít vào:

**Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Chế phẩm này có thể có hại, nhưng không có triệu chứng. Ngoài ra, sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ, mặc dù không có khả năng gây ra bất cứ điều gì ngoài sự khó chịu nhẹ thoáng qua.

**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** Không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc hít vào trong thời gian dài.

### Dính vào da:

**Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Sản phẩm này có thể gây kích ứng da, nhưng không có khả năng gây ra bất cứ điều gì ngoài sự khó chịu nhẹ thoáng qua.

**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** Không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc dính vào da trong thời gian dài.

### Dính vào mắt:

**Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** Dữ liệu có sẵn chỉ ra rằng sản phẩm này không có hại. Tuy nhiên, sản phẩm có thể gây kích ứng nhẹ, mặc dù không có khả năng gây ra bất cứ điều gì ngoài sự khó chịu nhẹ thoáng qua.

**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc dính vào mắt trong thời gian dài.

### Nuốt vào:

**Phơi nhiễm trong thời gian ngắn:** phơi nhiễm nhiều ở vị trí miệng được xem là không có khả năng. Dữ liệu có sẵn chỉ ra rằng sản phẩm này có hại, nhưng không có triệu chứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có thể gây kích ứng niêm mạc nhưng không có khả năng gây ra bất cứ điều gì ngoài sự khó chịu nhẹ thoáng qua.

**Phơi nhiễm trong thời gian dài:** không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc nuốt vào trong thời gian dài.

### Khả năng gây ung thư:

**SWA:** Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo SWA.

**NTP:** Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo NTP.

**IARC:** Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo IARC.

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

### Mục 3 – Thành Phần/Thông Tin Về Thành Phần

Thành phần	Số CAS	Nồng độ, %	TWA (mg/m <sup>3</sup> )	STEL (mg/m <sup>3</sup> )
Permethrin	52645-53-1	50% (500 g/L)	Không thiết lập	Không thiết lập
Naphtha dung môi, mùi thơm nặng	64742-94-5	36.1%	Không thiết lập	Không thiết lập
Các thành phần không độc hại	Khác nhau	đến 100%	Không thiết lập	Không thiết lập

Đây là một sản phẩm thương mại mà tỷ lệ chính xác của các thành phần có thể thay đổi chút ít. Lượng nhỏ các thành phần không độc hại khác cũng có thể.

Giá trị phơi nhiễm SWA TWA là nồng độ không khí trung bình của một chất đặc biệt khi tính toán trên một ngày làm việc 8 tiếng bình thường đối với một tuần làm việc có 5 ngày. STEL (Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn) là một giá trị phơi nhiễm mà có thể bằng (nhưng không nên vượt quá) 15 phút và không nên lặp đi lặp lại hơn 4 lần mỗi ngày. Nên cách ít nhất 60 phút giữa những lần phơi nhiễm kế tiếp đối với STEL. Thuật ngữ "đỉnh" được sử dụng khi giới hạn TWA, vì hoạt động nhanh của một chất, không bao giờ được vượt quá, thậm chí trong một thời gian ngắn.

### Mục 4 – Các Biện Pháp Sơ Cứu

#### Thông tin chung:

Bạn nên liên hệ ngay với bác sĩ hoặc bệnh viện nếu cảm thấy rằng mình có thể đã bị ngộ độc, bị bỏng hoặc bị kích ứng bởi sản phẩm này. Giữ SDS này khi gọi.

**Hít vào:** Thông thường không cần các biện pháp sơ cứu. Tuy nhiên, nếu đã bị hít vào, và kích ứng gia tăng, đưa nạn nhân tới vị trí có không khí trong lành và quan sát cho đến khi khỏe lại. Nếu kích ứng trở nên đau hoặc kéo dài hơn 30 phút, tìm kiếm tư vấn y tế.

**Đính vào da:** Cởi bỏ quần áo bị dính ngay lập tức. Rửa nhẹ và rửa kỹ với xà phòng và nước, nếu có sẵn polyethyleneglycol 400, sau đó rửa sạch bằng nước. Trường hợp kích ứng da, có thể cân nhắc việc bôi dầu hoặc lotion có chứa vitamin E. Nếu triệu chứng kéo dài, liên hệ bác sĩ.

**Đính vào mắt:** Ngay lập tức rửa mắt bị dính với nước ấm, nhẹ nhàng rửa trôi trong 15 phút, giữ cho mắt mở trong khi rửa. Tìm kiếm tư vấn y tế ngay lập tức nếu xảy ra kích ứng. Cần đặc biệt chú ý nếu người tiếp xúc đang đeo kính áp tròng.

**Nuốt phải:** Nếu nuốt phải, KHÔNG gây nôn. Súc miệng với nước. Giữ ấm và cho nạn nhân nghỉ ngơi. Nếu triệu chứng kéo dài, gọi điện cho bác sĩ.

Lưu ý: trong trường hợp nuốt phải, súc ruột nên được xem xét trong trường hợp nuốt phải một lượng lớn chỉ trong vòng 2 giờ đầu. Tuy nhiên, việc áp dụng than hoạt tính và natri sulphat luôn luôn được khuyến khích. Điều trị theo triệu chứng. Theo dõi: chức năng hô hấp và tim. Theo dõi ECG (điện tâm đồ). Không có thuốc giải độc đặc trị. Chống chỉ định: atropine.

### Mục 5 – Biện Pháp Chữa Cháy

**Mối nguy về cháy nổ:** Mối nguy hiểm lớn trong các vụ cháy thường là hít phải những khí nóng và độc hoặc thiếu oxy (hoặc cả hai), khí tạo ra khi cháy.

Những sản phẩm phân hủy tạo ra do lửa từ sản phẩm này có thể độc nếu hít phải. Thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp.

**Phương tiện chữa cháy:** Trong trường hợp cháy, sử dụng bọt foam, phun nước, bột khô

**Đội cứu hỏa:** Nếu một lượng lớn sản phẩm liên quan đến đám cháy, gọi cho đội cứu hỏa.

Thông tin thêm: mang sản phẩm ra khỏi khu vực bị cháy, hoặc làm mát chai chế phẩm bằng nước để tránh áp suất tích tụ do nhiệt. Bất cứ khi nào có thể, chứa nước chữa cháy bởi khu vực ngăn bằng cát hoặc đất. Thu gom riêng nước chữa cháy bị ô nhiễm. Nước này không được thải vào cống rãnh. Không để nước chữa cháy chảy vào cống rãnh hoặc các nguồn nước.

**Điểm bốc cháy:** Không cháy.

**Giới hạn bắt cháy cao nhất:** Không cháy.

**Giới hạn bắt cháy thấp nhất:** Không cháy.

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** Không cháy.

**Phân loại tính cháy:** Không cháy.

### Mục 6 – Biện Pháp Xử Lý Rủi Ro

**Xử lý rủi ro:** Trong trường hợp đổ tràn lượng lớn, ngăn chặn hóa chất đi vào đường cống hoặc nguồn nước. Mặc quần áo bảo hộ đầy đủ bao gồm bảo hộ mắt/mặt. Tất cả vùng da phải được che phủ. Xem mục Bảo Hộ Cá Nhân bên dưới liên quan đến Tiêu chuẩn của Úc về thiết bị bảo hộ cá nhân. Nguyên liệu thích hợp cho quần áo bảo hộ bao gồm cao su, PVC. Thiết bị bảo hộ mắt/mặt nên bao gồm ít nhất kính bảo vệ. Nếu có nhiều khả năng là hơi hoặc sương tích tụ trong khu vực sạch, chúng tôi đề nghị các bạn sử dụng mặt nạ phòng độc. Thông thường, không cần sử dụng mặt nạ phòng độc khi sử dụng sản phẩm này. Tuy nhiên, nếu bạn có bất cứ nghi ngại nào thì tham khảo tiêu chuẩn của Úc như đã đề cập bên dưới (mục 8). Nếu không, thông thường không cần thiết.

### BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Bị chổ bị rò nếu thấy an toàn và chứa lượng hóa chất tràn. Dùng cát, khoáng chất hoặc các vật liệu hấp phụ khác để hấp thụ. Nếu lượng đổ tràn quá lớn hoặc vật liệu hấp phụ không có sẵn, cố gắng đào rãnh để ngăn chặn hóa chất đi vào đường cống hoặc nguồn nước. Quét và xúc hoặc thu gom sản phẩm có thể phục hồi vào hộp dán nhãn tái chế và thải bỏ nhanh chóng. Tái sử dụng các chai chế phẩm ở nơi có thể sau khi vệ sinh cẩn thận. Tham khảo hướng dẫn cụ thể trên nhãn sản phẩm. Sau khi đổ, vệ sinh khu vực bị đổ để ngăn chế phẩm chảy vào cống. Nếu nhiều chế phẩm bị chảy vào cống, báo cho các dịch vụ khẩn cấp. Thông tin chi tiết về thải bỏ các chai chế phẩm đã sử dụng, vật liệu đổ tràn và không được sử dụng có thể tìm thấy trên nhãn chế phẩm. Nếu có bất kỳ mâu thuẫn nào giữa SDS này và nhãn, hướng dẫn trên nhãn sẽ được ưu tiên. Đảm bảo tính hợp pháp của việc thải bỏ bằng cách tham khảo các quy định trước khi xử lý. Giặt kỹ quần áo bảo hộ trước khi lưu trữ hoặc tái sử dụng. Tư vấn nơi giặt ủi về loại quần áo ô nhiễm khi gửi chúng đến giặt ủi.

## Mục 7 – Quản Lý Và Lưu Trữ

**Quản Lý:** Hạn chế thấp nhất phơi nhiễm với sản phẩm này, và giảm thiểu số lượng lưu giữ trong khu vực làm việc. Tránh xa nguồn nhiệt và các nguồn phát lửa. Không sử dụng sản phẩm này bên trong hoặc bên trên thiết bị điện vì có nguy cơ gây giật điện. Thực hiện các biện pháp để ngăn chặn sự tích tụ điện tích. Kiểm tra mục 8 của SDS này để biết chi tiết các biện pháp bảo hộ cá nhân, và đảm bảo rằng các biện pháp được tuân thủ. Các biện pháp được mô tả chi tiết dưới phần "Bảo Quản" nên được tuân thủ trong quá trình xử lý để giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng tại nơi làm việc. Ngoài ra, tránh tiếp xúc hoặc gây ô nhiễm sản phẩm với các vật liệu không tương thích được liệt kê trong Mục 10.

**Lưu Trữ:** Sản phẩm này là Chất độc được liệt kê trong danh mục. Tuân theo tất cả các quy định liên quan về buôn bán, vận chuyển và lưu trữ. Cần đảm bảo các chai chế phẩm luôn được đậy kín, lưu trữ nơi khô ráo, thoáng mát, thông gió và tránh ánh nắng trực tiếp. Đảm bảo sản phẩm không tiếp xúc với các chất được liệt kê trong phần "Không Tương Hợp" tại Mục 10. Một số chế phẩm dạng lỏng lắng xuống hoặc tách lớp khi để yên và có thể bắt buộc phải lắc trộn trước khi sử dụng. Kiểm tra bao bì - có thể có thêm hướng dẫn lưu trữ trên nhãn.

## Mục 8 – Kiểm Soát Phơi Nhiễm Và Bảo Hộ Cá Nhân

Các tiêu chuẩn của Úc sau đây sẽ cung cấp tư vấn tổng quát về quần áo và thiết bị an toàn:

Thiết bị hô hấp: **AS/NZS 1715**, Găng tay bảo hộ: **AS 2161**, Quần áo bảo hộ lao động: bộ AS/NZS 4501 2008, Thiết bị bảo hộ mắt công nghiệp: **AS1336** và **AS/NZS 1337**, Giày bảo hộ lao động: **AS/NZS2210**.

### Giới hạn phơi nhiễm SWA

### TWA (mg/m<sup>3</sup>)

### STEL (mg/m<sup>3</sup>)

Những giới hạn phơi nhiễm chưa được NOHSC thiết lập cho bất kỳ thành phần quan trọng nào trong sản phẩm này.

ADI cho permethrin được thiết lập ở mức 0.05mg/kg/ngày. NOEL tương ứng được thiết lập ở mức 5mg/kg/ngày. ADI là lượng hấp thụ hàng ngày chấp nhận được và NOEL là mức độ không ảnh hưởng. Dữ liệu từ Danh sách ADI của Úc, tháng 12 năm 2002.

Thông thường không cần thiết bị gì đặc biệt khi thỉnh thoảng xử lý với lượng nhỏ. Những hướng dẫn sau dành cho việc xử lý với số lượng lớn hoặc nơi thường phơi nhiễm trong môi trường nghề nghiệp xảy ra mà không có hệ thống ngăn chặn thích hợp.

**Thông thoáng:** Chỉ nên sử dụng sản phẩm này trong khu vực được thông thoáng tốt. Nếu sự thông thoáng tự nhiên không đủ, đề nghị sử dụng quạt.

**Bảo Vệ Mắt:** Nên đeo kính bảo hộ khi sử dụng sản phẩm này.

**Bảo Vệ Da:** Ngăn chặn da tiếp xúc với hóa chất bằng cách đeo găng tay không thấm nước, quần áo và tẩm chắn. Hãy chắc chắn rằng tất cả các vùng da được bảo vệ. Xem các loại vật liệu phù hợp bên dưới.

**Các loại vật liệu bảo vệ:** Chúng tôi đề nghị trang phục bảo hộ được làm từ những vật liệu sau: cao su, PVC.

**Mặt nạ:** Thông thường không yêu cầu mặt nạ khi sử dụng sản phẩm này. Tuy nhiên, nếu bạn có bất cứ nghi ngại nào thì tham khảo Tiêu Chuẩn của Úc đã đề cập ở trên. Nếu không, thông thường không cần thiết.

## Mục 9 – Đặc Tính Lý Hóa

**Ngoại dạng và màu sắc:** Dạng lỏng có màu hổ phách trong suốt.

**Mùi:** Mùi thơm.

**Điểm sôi:** Không dữ liệu.

**Chất bay hơi:** Không dữ liệu.

**Tỷ trọng hơi nước:** Không dữ liệu.

**pH (1%):** 7.0

**Ngưỡng mùi:** Không dữ liệu.

**Hệ số phân bố dầu/nước:** Không dữ liệu.

**Điểm đóng băng/ Nóng chảy:** Không dữ liệu.

**Áp suất hơi:** Không dữ liệu.

**Trọng lượng riêng:** 1.06

**Tính chất dễ bay hơi:** Không dữ liệu.

**Tốc độ bay hơi:** Không dữ liệu.

**Nhiệt độ tự bốc cháy:** Không dữ liệu.

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

## Mục 10 – Độ Ổn Định Và Khả Năng Phản Ứng

**Khả năng phản ứng:** Sản phẩm này không có khả năng phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện lưu trữ thông thường. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngờ, liên hệ với nhà cung cấp để được tư vấn về đặc tính thời hạn sử dụng.

**Những điều kiện cần tránh:** Nhiệt độ khắc nghiệt và ánh sáng mặt trời trực tiếp

**Chất không tương hợp:** Chất oxy hóa mạnh.

**Phân hủy bằng lửa:** Sự đốt cháy tạo thành CO<sub>2</sub>, và nếu đốt cháy không hoàn toàn, tạo thành CO và có thể là khói. Có thể tạo thành khí HCl. Ngộ độc CO gây ra nhức đầu, yếu ớt, buồn nôn, chóng mặt, rối loạn, nhìn không rõ, sự xáo trộn phân xét, và bất tỉnh sau đó là hôn mê và chết.

**Sự trùng hợp:** Sản phẩm này sẽ không trải qua phản ứng trùng hợp.

## Mục 11 – Thông Tin Độc Chất

**Độc tính:** Độc tính cấp tính: Permethrin có hại đến không có hại qua đường uống, với một báo cáo về liều gây chết LD50 của thuốc kỹ thuật permethrin ở chuột cống là trên 5000 mg/kg. Qua đường tiếp xúc da, nó không có hại, với một báo cáo về liều gây chết LD<sub>50</sub> khi tiếp xúc với da ở chuột cống là trên 5000 mg/kg và ở thỏ là trên 2000 mg/kg. Độc tính của permethrin phụ thuộc vào tỷ lệ của các đồng phân hiện diện; đồng phân cis độc hơn.

**Độc mãn tính:** Không có tác dụng phụ nào được ghi nhận trên những con chó được cho ăn permethrin với liều 5mg/kg/ ngày trong 90 ngày. Chuột cống được cho ăn 150mg/kg/ngày trong 6 tháng cho thấy trọng lượng gan tăng nhẹ. Mức độ rất thấp của permethrin trong chế độ ăn cho gà (0,1 ppm trong 3 đến 6 tuần sau khi nở) đã được báo cáo kìm nén hoạt động của hệ thống miễn dịch.

**Ảnh hưởng gây quái thai:** Permethrin được báo cáo là không có hoạt tính gây quái thai.

**Ảnh hưởng gây đột biến:** Permethrin được báo cáo là không có hoạt tính gây đột biến.

**Tác dụng gây ung thư:** Không có báo cáo.

**Tác dụng lên sinh sản:** Permethrin không gây độc tính sinh sản trong một nghiên cứu hai thế hệ trên chuột.

**Độc tính liều lặp lại:** Permethrin không gây độc cho cơ quan mục tiêu cụ thể trong các nghiên cứu trên động vật thí nghiệm.

**Tác động trong cơ thể con người và động vật:** Permethrin được chuyển hóa hiệu quả bởi gan của động vật có vú. Các sản phẩm phân hủy, hoặc "chất chuyển hóa," của permethrin được bài tiết nhanh chóng và không tồn tại đáng kể trong các mô cơ thể. Khi sử dụng permethrin cho chuột qua đường miệng, nó được chuyển hóa nhanh chóng và gần như hoàn toàn bị thải ra khỏi cơ thể trong vài ngày. Chỉ 3 đến 6% liều gốc được bài tiết dưới dạng không đổi trong phân của động vật thí nghiệm. Permethrin có thể tồn tại trong các mô mỡ. Permethrin không ngăn chặn hoặc ức chế các enzym cholinesterase.

## Sự Phân Loại Các Thành Phần Độc Hại

### Thành phần

### Ký hiệu nguy hiểm

Permethrin

Conc>=25%: Xn; R20/22; R43

Naphtha dung môi (xăng dầu), mùi thơm nặng

Conc>=10%: Xn; R65

Không có dữ liệu chỉ ra những cơ quan mục tiêu cụ thể nào.

## Mục 12 – Thông Tin Sinh Thái

**Ảnh hưởng đến chim:** Permethrin thực tế không độc đối với chim. LD<sub>50</sub> qua đường miệng đối với công thức permethrin lớn hơn 9.900 mg/kg ở vịt trời, lớn hơn 13.500 mg/kg ở gà lôi và lớn hơn 15.500 mg/kg ở chim cú.

**Ảnh hưởng đến sinh vật thủy sinh:** Các hệ sinh thái dưới nước rất dễ bị tổn thương bởi tác động của permethrin. LC<sub>50</sub> trong 96 giờ của permethrin là 0,0076 mg/L đối với *Poecilia reticulata* (cá bảy màu). EC<sub>50</sub> trong 48 giờ là 0,00017 mg/L đối với *Daphnia magna* (bọ chết nước). EC<sub>50</sub> trong 96 giờ là 0,497 mg/L đối với *Raphidocelis subcapitata* (tảo xanh nước ngọt).

**Ảnh hưởng đến sinh vật khác:** Permethrin độc đối với ong.

### ĐẶC TÍNH MÔI TRƯỜNG

**Phân giải trong đất & nước ngầm:** Permethrin tồn tại ở mức thấp đến trung bình trong môi trường đất, với thời gian bán hủy được báo cáo là 30 đến 38 ngày. Permethrin rất dễ bị phân hủy trong hầu hết các loại đất. Các vi sinh vật trong đất đóng một vai trò lớn trong sự phân hủy của permethrin. Bởi vì permethrin liên kết rất mạnh với các hạt đất và gần như không hòa tan trong nước nên nó không bị rửa trôi hoặc làm ô nhiễm nước ngầm. KOC của permethrin là 100.000.

**Phân giải trong nước:** Kết quả của một nghiên cứu gần các khu vực cửa sông cho thấy permethrin có thời gian bán hủy dưới 2,5 ngày. Khi tiếp xúc với ánh sáng mặt trời, thời gian bán hủy là 4,6 ngày. Permethrin phân hủy nhanh chóng trong nước. Độc tính mất dần sau 48 giờ dưới ánh sáng mặt trời ở mức 0,05 mg/L trong nước.

**Phân giải trong thực vật:** Permethrin không phải là chất độc thực vật hoặc độc đối với hầu hết các loại thực vật. Không thấy có tính không tương hợp với permethrin trên cây trồng.

## BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

**Mục 13 – Phương Cách Thải Bỏ**

**Thải bỏ:** Hướng dẫn liên quan đến việc thải bỏ sản phẩm này và vỏ chai được cung cấp trên nhãn chai. Cần tuân theo những chỉ dẫn này.

**Mục 14 – Thông Tin Vận Chuyển**

Số UN: 3082  
Tên vận chuyển đúng của UN: CHẤT NGUY HẠI ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, DẠNG LỎNG, CHƯA ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH CỤ THỂ (chứa Permethrin)  
Loại vận chuyển: 9  
Nhóm đóng gói: III  
Nguy hại cho môi trường: Có  
Theo Quy định Đặc biệt AU01 của Úc, các Chất Nguy Hại Cho Môi Trường phù hợp với mô tả UN3082 không thuộc phạm vi áp dụng của Bộ luật này (ADG 07) khi được vận chuyển bằng đường bộ và đường sắt trong trường hợp:  
a) Bao bì không chứa thùng chứa vượt quá 500 kg (L); hoặc  
b) Các thùng chứa trung gian (IBCs).

Các Chất Gây Ô Nhiễm Biển được chỉ định số UN 3077 và 3082 trong bao bì đơn hoặc bao bì kết hợp chứa trọng lượng tịnh trong mỗi bao bì đơn hoặc bên trong bao bì là 5 L hoặc ít hơn đối với chất lỏng hoặc có khối lượng tịnh trong mỗi bao bì đơn hoặc bên trong bao bì là 5 kg trở xuống đối với chất rắn có thể được vận chuyển như hàng hóa không nguy hiểm theo quy định tại mục 2.10.2.7 của Bộ luật IMDG, quy định đặc biệt A197 của IATA, và quy định đặc biệt 375 của ADR/RID. Vật liệu này không được xem là vật liệu nguy hiểm theo định nghĩa của Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ theo 49 CFR Phần 100 đến 185, trừ khi được vận chuyển dưới dạng bao bì khối lượng lớn. Phân loại này chỉ áp dụng cho việc vận chuyển dưới dạng bao bì khối lượng lớn [>119 gal, dạng lỏng] hoặc (882 lb, dạng rắn)].

**Section 15 - Regulatory Information**

**AICS:** Tất cả các thành phần quan trọng trong công thức tuân thủ theo các quy định của NICNAS.

**Mục 16 – Thông Tin Khác**

**SDS này chỉ chứa thông tin liên quan đến an toàn. Đối với dữ liệu khác, xem các tài liệu về sản phẩm.**

Nếu có bất cứ mâu thuẫn nào giữa SDS này và nhãn sản phẩm đã đăng ký, xin tham khảo thông tin trên nhãn.

**Từ viết tắt:**

<b>ADG Code</b>	Luật vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng đường bộ và đường sắt của Úc (ấn bản thứ 7)
<b>AICS</b>	Bảng tóm tắt của các chất hóa học Úc
<b>SWA</b>	An Toàn Lao Động Úc, tiền thân là ASCC và NOHSC
<b>CAS number</b>	Số đăng ký CAS (Dịch vụ tóm tắt hóa chất)
<b>Hazchem Code</b>	Mã số hoặc chữ cái cho hành động khẩn cấp nhằm cung cấp thông tin cho các dịch vụ khẩn cấp, đặc biệt là lính cứu hỏa
<b>IARC</b>	Cơ quan nghiên cứu quốc tế về ung thư
<b>NOS</b>	Không có chỉ định khác
<b>NTP</b>	Chương trình độc chất quốc gia (Hoa Kỳ)
<b>R-Phrase</b>	Ký hiệu nguy hiểm
<b>SUSMP</b>	Tiêu chuẩn về danh mục thống nhất của thuốc & chất độc
<b>UN Number</b>	Số UN

SDS NÀY TÓM KẾT NHỮNG KIẾN THỨC TỐT NHẤT CỦA CHÚNG TÔI VỀ THÔNG TIN CÁC MÔI NGUY ĐẾN SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN CỦA SẢN PHẨM, VÀ CÁCH XỬ LÝ AN TOÀN VÀ CÁCH SỬ DỤNG SẢN PHẨM TẠI NƠI LÀM VIỆC. MỖI NGƯỜI SỬ DỤNG PHẢI XEM KỸ SDS NÀY TRONG MỤC SẢN PHẨM SẼ ĐƯỢC XỬ LÝ VÀ SỬ DỤNG NHƯ THẾ NÀO TẠI NƠI LÀM VIỆC.

NẾU VIỆC LÀM RÕ HOẶC BIẾT THÊM THÔNG TIN LÀ CẦN THIẾT ĐỂ CÓ THỂ ĐƯỢC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ RỦI RO THÍCH HỢP, NGƯỜI SỬ DỤNG NÊN LIÊN HỆ CÔNG TY CHÚNG TÔI ĐỂ CHÚNG TÔI CÓ THỂ CÓ GẮNG THU THẬP THÊM THÔNG TIN TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP CỦA CHÚNG TÔI.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHÚNG TÔI VỀ SẢN PHẨM ĐƯỢC BÁN TÙY THUỘC VÀO CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN TIÊU CHUẨN CỦA CHÚNG TÔI, MỘT BẢN SAO TRONG SỐ ĐÓ SẼ ĐƯỢC GỬI ĐẾN KHÁCH HÀNG VÀ LUÔN CÓ SẴN THEO YÊU CẦU.

Vui lòng đọc kỹ nhãn trước khi sử dụng sản phẩm.

**BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN**